TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN

được công nhận kết quả học tập và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Tiểu học hạng III đợt 2-năm 2018

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 1402/QĐ-ĐHHĐ ngày 29/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	302	Nguyễn Thị Minh	An	29/11/1984		Trường Tiểu học Hoằng Sơn	Hoằng Hóa	8.0	9.0	9.0	Đạt
2	303	Mai Thị	An	11/02/1976		Trường Tiểu học Hoằng Thanh	Hoằng Hóa	8.0	8.5	9.0	Đạt
3	304	Trịnh Thị	Ba	16/04/1979		Trường TH Quảng Thọ	TP. Sầm Sơn	7.5	8.5	8.5	Đạt
4	305	Lê Văn	Chiến	12/08/1986	Nam	Trường Tiểu học Hoằng Hải	Hoằng Hóa	7.5	8.5	8.5	Đạt
5	306	Bùi Ngọc	Cường	05/10/1980	Nam	Trường TH Quảng Hải	Quảng Xương	7.0	7.5	8.5	Đạt
6	307	Lê Thị	Dân	01/02/1974		Trường TH Quảng Phong	Quảng Xương	7.5	8.0	8.5	Đạt
7	308	Lê Thị	Đào	19/11/1978		Trường Tiểu học Hoằng Trinh	Hoằng Hóa	7.0	8.0	8.0	Đạt
8	309	Nguyễn Văn	Đông	21/02/1978	Nam	Trường TH Quảng Vọng	Quảng Xương	7.0	7.5	8.0	Đạt
9	310	Đoàn Thị	Hà	28/09/1982		Trường TH&THCS Hoằng Đức	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.5	Đạt
10	311	Nguyễn Thị Yến	Hà	19/01/1978		Trường TH Quảng Nham I	Quảng Xương	8.0	8.0	9.0	Đạt
11	312	Lê Thị	Hà	01/03/1977		Trường TH Quảng Tiến 2	TP. Sầm Sơn	8.0	8.5	9.0	Đạt
12	313	Lê Đức	Hải	16/06/1970	Nam	Trường TH Trung Sơn II	TP. Sầm Sơn	8.0	8.0	8.0	Đạt
13	314	Nguyễn Thị	Hằng	12/08/1986		Trường Tiểu học Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	8.0	8.0	9.0	Đạt
14	315	Trịnh Thị	Hạnh	22/02/1977		Trường TH Quảng Tiến 2	TP. Sầm Sơn	7.0	8.0	8.5	Đạt
15	316	Lê Thị	Hạnh	06/03/1985		Trường Tiểu học Hoằng Vinh	Hoằng Hóa	6.5	7.5	8.0	Đạt
16	317	Nguyễn Thị	Hạnh	24/03/1974		Trường Tiểu học Hoằng Xuyên	Hoằng Hóa	7.0	8.0	9.0	Đạt
17	318	Nguyễn Thị	Hạnh	17/08/1966		Trường TH Quảng Nhân	Quảng Xương	7.0	7.5	8.0	Đạt
18	319	Bùi Thị Hồng	Hạnh	26/01/1981		Trường Tiểu học Thị Trấn	Quảng Xương	7.0	8.0	8.0	Đạt
19	320	Nghiêm Thị	Hảo	05/10/1971		Trường Tiểu học Hoằng Giang	Hoằng Hóa	8.0	8.5	8.5	Đạt

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
20	321	Hoàng Thị	Hiền	08/12/1972		Trường Tiểu học Hoằng Tân	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.5	Đạt
21	322	Phạm Thị	Hiền	19/08/1978		Trường Tiểu học Hoằng Thịnh	Hoằng Hóa	7.5	8.0	8.0	Đạt
22	323	Vương Thị	Hiền	06/08/1976		Trường TH Quảng Lợi	Quảng Xương	8.0	8.0	8.5	Đạt
23	324	Phạm Thị	Hiền	03/04/1973		Trường TH Quảng Tiến 2	TP. Sầm Sơn	7.5	8.5	8.5	Đạt
24	325	Lê Thị	Hiệu	15/08/1974		Trường Tiểu học Quảng Văn	Quảng Xương	7.5	8.5	9.0	Đạt
25	326	Nguyễn Thị	Hoa	25/10/1974		Trường Tiểu học Hoằng Ngọc	Hoằng Hóa			8.5	Đạt
26	327	Hoàng Thị	Hoa	22/11/1975		Trường TH Quảng Phong	Quảng Xương	8.0	8.5	8.0	Đạt
27	328	Lê Thị	Hoa	18/05/1978		Trường TH Quảng Tiến 1	TP. Sầm Sơn	8.0	8.0	8.5	Đạt
28	329	Nguyễn Thị	Hoàn	02/08/1972		Trường TH Quảng Thọ	TP. Sầm Sơn	8.0	7.5	9.0	Đạt
29	330	Nguyễn Xuân	Hợp	30/12/1980		Trường Tiểu học Hoằng Giang	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.5	Đạt
30	331	Lê Thị	Huệ	12/08/1983		Trường TH Quảng Thọ	TP. Sầm Sơn	7.0	7.0	7.0	Đạt
31	332	Lê Thị	Hương	20/12/1974		Trường Tiểu học Hoằng Quỳ	Hoằng Hóa	7.5	8.5	8.5	Đạt
32	333	Nguyễn Thị	Hương	30/04/1981		Trường Tiểu học Hoằng Hà	Hoằng Hóa	7.5	8.0	8.0	Đạt
33	334	Nguyễn Thị	Hương	17/12/1972		Trường TH Quảng Tiến 2	TP. Sầm Sơn	7.5	8.0	8.0	Đạt
34	335	Mai Thị	Huyền	31/08/1978		Trường TH Quảng Hải	Quảng Xương	8.0	8.5	9.0	Đạt
35	336	Lê Thị	Kế	20/10/1974		Trường Tiểu học Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	7.5	8.0	9.0	Đạt
36	337	Ngô Thị	Khanh	14/11/1974		Trường TH Quảng Nham 2	Quảng Xương	8.0	8.5	8.0	Đạt
37	338	Lại Thị	Lâm	12/09/1978		Trường TH Quảng Ngọc	Quảng Xương	7.5	8.5	8.0	Đạt
38	339	Lê Thị	Liên	01/10/1985		Trường Tiểu học Hoằng Lưu	Hoằng Hóa	7.5	7.5	8.0	Đạt
39	340	Cao Tiến	Long	15/07/1975	Nam	Trường TH Quảng Nham I	Quảng Xương	7.5	7.5	8.0	Đạt
40	341	Nguyễn Bình	Lương	23/08/1987	Nam	Trường Tiểu học Hoằng Xuân	Hoằng Hóa	7.5	8.0	8.0	Đạt
41	342	Lê Thị	Luyến	06/06/1976		Trường TH Quảng Ngọc	Quảng Xương	7.5	8.5	8.5	Đạt
42	343	Nguyễn Thị	Nga	16/04/1974		Trường TH Quảng Nham 2	Quảng Xương	8.0	8.5	8.5	Đạt
43	344	Lâm Thị	Nga	29/09/1978		Trường TH Quảng Nham 2	Quảng Xương	8.0	8.5	8.5	Đạt
44	345	Trần Thị	Nga	19/08/1971		Trường TH Quảng Tiến 1	TP. Sầm Sơn	8.0	8.0	8.5	Đạt

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
45	346	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	29/06/1987		Trường Tiểu học Lê Mạnh Trinh	Hoằng Hóa	8.0	7.0	7.5	Đạt
46	347	Đỗ Thị	Ngọc	03/08/1979		Trường TH Quảng Nhân	Quảng Xương	8.0	7.5	9.0	Đạt
47	348	Đoàn Thị	Nguyệt	21/05/1975		Trường TH Quảng Hải	Quảng Xương	8.0	7.5	8.5	Đạt
48	349	Nguyễn Thị	Nhung	17/03/1976		Trường Tiểu học Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	8.0	8.5	8.5	Đạt
49	350	Đỗ Thị Kim	Oanh	10/12/1975		Trường Tiểu học Hoằng Đạo	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.5	Đạt
50	351	Lê Thị	Oanh	03/04/1971		Trường Tiểu học Hoằng Yến	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.5	Đạt
51	352	Lê Thị	Phúc	20/11/1975		Trường Tiểu học Hoằng Đạt	Hoằng Hóa	8.0	8.5	8.5	Đạt
52	353	Phạm Thị	Phương	25/05/1975		Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	Quảng Xương	8.0	8.0	8.0	Đạt
53	354	Lê Thị	Quế	15/08/1977		Trường TH Quảng Nham I	Quảng Xương	8.0	8.5	8.5	Đạt
54	355	Hoàng Thị	Quế	23/02/1977		Trường TH Quảng Nham I	Quảng Xương	8.0	8.5	8.0	Đạt
55	356	Đồng Thị	Quý	02/09/1976		Trường Tiểu học Hoằng Phúc	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.0	Đạt
56	357	Đỗ Thị	Quý	29/03/1973		Trường Tiểu học Hoằng Trinh	Hoằng Hóa	8.0	8.5	8.5	Đạt
57	358	Trịnh Thị	Tâm	28/04/1977		Trường Tiểu học Hoằng Thanh	Hoằng Hóa	7.5	8.5	8.5	Đạt
58	359	Vũ Thị	Thanh	25/11/1973		Trường TH Quảng Tiến 2	TP. Sầm Sơn	8.0	8.0	7.5	Đạt
59	360	Hoàng Sơn	Thành	15/02/1977	Nam	Trường Tiểu học Hoằng Quỳ	Hoằng Hóa	8.0	8.5	8.5	Đạt
60	361	Lê Phương	Thảo	09/11/1977		Trường TH Quảng Tiến 2	TP. Sầm Sơn	8.0	7.5	8.5	Đạt
61	362	Lê Thị	Thảo	15/08/1979		Trường TH Quảng Long	TP. Sầm Sơn	7.0	8.5	8.0	Đạt
62	363	Hàn Thị	Thịnh	15/02/1976		Trường TH Quảng Thọ	TP. Sầm Sơn	8.0	8.5	8.0	Đạt
63	364	Nguyễn Thị	Thu	18/10/1976		Trường TH Hoằng Châu	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.5	Đạt
64	365	Nguyễn Thị	Thu	15/09/1974		Trường TH Quảng Hòa	Quảng Xương	8.0	8.5	8.5	Đạt
65	366	Trần Thị	Thu	30/10/1979		Trường TH Quảng Lợi	Quảng Xương	7.5	8.0	8.0	Đạt
66	367	Lê Thị	Thư	30/12/1973		Trường TH Quảng Ngọc	Quảng Xương	8.0	8.5	8.5	Đạt
67	368	Lê Văn	Thương	26/05/1979	Nam	Trường TH Quảng Tiến 1	TP. Sầm Sơn	8.0	7.5	7.5	Đạt
68	369	Nguyễn Thị	Thuỷ	01/09/1982		Trường TH Quảng Ninh	Quảng Xương	7.5	8.5	8.5	Đạt
69	370	Lê Thị	Thúy	22/12/1976		Trường TH Quảng Thạch	Quảng Xương	8.0	8.5	8.0	Đạt

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả điểm			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
70	371	Bùi Thị	Thủy	13/06/1970		Trường TH Hoằng Xuyên	Hoằng Hóa	7.5	8.0	9.0	Đạt
71	372	Lê Thị	Thủy	02/01/1975		Trường TH Quảng Lĩnh	Quảng Xương	7.0	7.5	8.0	Đạt
72	373	Lê Thị	Thủy	12/11/1981		Trường TH Quảng Đại	Quảng Xương	7.5	8.5	8.5	Đạt
73	374	Trịnh Thị	Tiến	23/09/1971		Trường Tiểu học Hoằng Thanh	Hoằng Hóa	7.5	8.5	8.0	Đạt
74	375	Phùng Thị	Tình	29/04/1975	Nam	Trường TH Hoằng Ngọc	Hoằng Hóa	7.5	8.0	8.5	Đạt
75	376	Nguyễn Văn	Tuấn	01/05/1976	Nam	Trường TH Quảng Nham 1	Quảng Xương	7.0	7.5	8.0	Đạt
76	377	Nguyễn Tiến	Tùng	25/07/1978		Trường TH Quảng Vinh	TP. Sầm Sơn	7.0	7.5	8.0	Đạt
77	378	Trịnh Thị	Tùng	05/02/1977		Trường TH Quảng Vinh	TP. Sầm Sơn	7.5	8.5	8.5	Đạt
78	379	Lê Thị	Tuyên	13/01/1977		Trường TH Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	8.0	9.0	8.5	Đạt
79	380	Hoàng Thị	Tuyển	10/10/1975		Trường TH Hoằng Châu	Hoằng Hóa	8.0	8.5	8.5	Đạt
80	381	Nguyễn Thị Hải	Yến	12/09/1986		Trường TH Quảng Bình	Quảng Xương	7.5	8.0	8.0	Đạt
81	382	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/06/1983		Trường TH Hoằng Lương	Hoằng Hóa	8.0	8.0	8.0	Đạt

(*Ấn định danh sách này gồm 81 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Trưởng